BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI HÀNH CHÍNH KINH PHÍ TỰ CHỦ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 10 /QĐ-CCKL ngày 10/01/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung	Dự toán chi năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
A	**PHẦN KINH PHÍ CHI HÀNH CHÍNH**	**5.309.904.000**	**253.833.700**	**5.563.737.700**
I	**Quản lý hành chính**	**5.307.000.000**	**256.737.700**	**5.563.737.700**
1	Kinh phí khoán chi bộ máy	5.307.000.000	256.737.700	5.563.737.700
2	Sử dụng nguồn CCTL và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	0		
II	**Giao khoán 66% từ nguồn thu phí để lại**	**2.904.000**	**-2.904.000**	**0**
B	**PHẦN KHOÁN CHI**	**5.309.904.000**	**253.833.700**	**5.563.737.700**
I	**CHI HÀNH CHÍNH**	**5.307.000.000**	**256.737.700**	**5.563.737.700**
1	**Quỹ tiền lương; phụ cấp lương, BHXH, BHYT và KPCĐ**	**4.259.000.000**	140.763.040	**4.399.763.040**
2	**Các khoản khoán chi toàn cơ quan**	**468.800.000**	**69.129.158**	**537.929.158**
2.1	Hợp đồng bảo vệ theo NĐ 111/CP và bảo vệ ngoài giờ hành chính	140.435.000	1.424.470	141.859.470
2.2	Tàu xe nghỉ phép năm	10.000.000	-5.840.000	4.160.000
2.3	Chi thưởng Giấy khen Sở NNPTNT	20.000.000	9.700.000	29.700.000
2.4	Chi thanh toán cá nhân (Chi lễ, tết)	102.000.000	2.000.000	104.000.000
2.5	Tiền điện	70.000.000	1.364.173	71.364.173
2.6	Tiền nước	6.000.000	817.013	6.817.013
2.7	Tiền nhiên liệu (Xăng, dầu) công tác	15.000.000	-9.252.615	5.747.385
2.8	Vệ sinh môi trường	4.000.000	-2.291.644	1.708.356
2.9	Văn phòng phẩm, dụng cụ và vật tư văn phòng khác	10.000.000	17.724.975	27.724.975
2.10	Điện thoại cố định lãnh đạo và các phòng chuyên môn	10.000.000	-5.563.721	4.436.279
2.11	Cước phí bưu chính (tem thư, chuyển phát nhanh …)	5.000.000	-4.033.529	966.471
2.12	Cước Internet, thư viện điện tử	12.000.000	-12.000.000	-
2.13	Hội nghị	5.000.000	-5.000.000	-
2.14	Công tác phí hội họp trong và ngoài tỉnh	20.000.000	-11.197.143	8.802.857
2.15	Chi phí thuê mướn (thuê phương tiện, đào tạo ...)	10.000.000	60.973.000	70.973.000
2.16	Sửa chữa thường xuyên, mua sắm TSCĐ	15.000.000	7.704.000	22.704.000
2.17	Các khoản phí, lệ phí ô tô, bảo hiểm ô tô và chi khác	14.365.000	10.759.179	25.124.179
2.18	Bảo trì phần mềm Misa và mua phần mềm QLTSC		9.600.000	9.600.000
2.19	Chi khác		2.241.000	2.241.000
3	**Khoán chi lãnh đạo và từng phòng**	**49.200.000**	**2.300.000**	**51.500.000**
3.1	Cước điện thoại khoán lãnh đạo Chi cục	7.200.000	1.500.000	8.700.000
3.2	Khoán công tác phí	12.000.000	0	12.000.000
3.3	Khoán văn phòng phẩm	30.000.000	800.000	30.800.000
4	**Quỹ tiền lương thu nhập tăng thêm**	**450.000.000**	**124.545.502**	**574.545.502**
5	**Dự phòng chi**	**80.000.000**	**-80.000.000**	**-**
II	**CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐỂ LẠI (PHẦN 66%)**	**2.904.000**	**-2.904.000**	**0**
1	Xăng xe ô tô	2.904.000	-2.904.000	-